

Phật giáo Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp và quan điểm về vấn đề hòa bình bền vững

ISSN: 2734-9195 09:05 10/10/2025

Phật giáo “đồng hành cùng dân tộc”, “hộ quốc an dân” trong kháng chiến chống Pháp, tiếp tục thể hiện tinh thần Bồ-tát hạnh, nhập thế, yêu nước chuộng hòa bình, vị tha quên mình, tiếp tục “đồng hành cùng dân tộc”.

Tác giả: **Ths Đinh Thị Thu Hà (1)**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Mở đầu

Trong kháng chiến chống Pháp, Phật giáo Việt Nam tiếp tục tinh thần “đồng hành cùng dân tộc” có từ những thế kỷ đầu công nguyên; tăng ni cư sĩ Phật tử đã có nhiều đóng góp quan trọng cho kháng chiến bằng nhiều hình thức: tuyên truyền, vận động, bảo hộ cán bộ, trực tiếp chiến đấu hoạt động cách mạng, cung cấp thực phẩm thuốc men, chữa bệnh, là mắt xích quan trọng trong gây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.



(Ảnh: Internet)

Phật giáo Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp cũng như ở bất kì thời gian nào trên tinh thần lời Phật luôn hiểu rõ: mỗi người sinh ra trên quốc độ nào là duyên nghiệp, cần phải hoàn thành vai trò và trách nhiệm của người con Phật đối với những người xung quanh, là ân quốc gia - ân chúng sinh; việc tu tập có thể thực hiện trong bất kì hoàn cảnh nào khi đã thấy ra Pháp, tùy theo hoàn cảnh - thời điểm - phương vị - quốc độ mà hiện tượng sự - lý hài hòa, khai ngộ chúng sanh.

Quan điểm này có được vì ảnh hưởng sâu sắc Phật giáo Đại thừa trong tinh thần Tính Không - Vô ngã - Trung đạo, tinh thần Thiền tông trực chỉ, vượt ngoài nhị nguyên phân biệt, cư trần lạc đạo, như Thiền học Trúc Lâm thời Trần đã đề xướng. Hiện tại, Phật giáo Việt Nam vẫn song hành cùng Đảng và Nhà nước, hướng đến hòa bình tiến bộ bền vững.

Nội dung

1. “Phật giáo đồng hành cùng dân tộc” là đặc trưng của tinh thần truyền thống Phật giáo Việt Nam từ quá khứ đến hiện đại

1.1 Sơ lược tinh thần Phật giáo Việt Nam “đồng hành cùng dân tộc” trước kháng chiến chống Pháp

Đạo Phật truyền vào Việt Nam trên 2000 năm luôn gắn bó tự nhiên với đời sống người dân mọi mặt. Bởi tinh thần vô ngã, bao dung, yêu hòa bình, tôn trọng

sinh mệnh,... rất gần gũi nhận thức người Việt từ bao đời nay. Phật giáo du nhập bằng đường thủy và bộ; đường biển từ Ấn Độ; đường bộ từ phương Bắc. Từ năm 43 sau Tây lịch, nhà Hán đô hộ, 1000 năm Bắc thuộc, Hán Nho luôn tìm cách đồng hóa nhưng Phật giáo cùng gìn bản sắc dân tộc bằng mọi phương diện.

Vua đầu tiên trong lịch sử là Lý Nam Đế (544 - 548) cũng đã coi trọng Phật giáo, nhận thức đánh giá được tầm quan trọng của Phật giáo trong bảo vệ và phát triển đất nước, nên đã rất quan tâm phát triển chăm lo cho đời sống Tăng Ni Cư sĩ Phật tử hướng đạo; vua đã dựng chùa Khai Quốc ở Kinh thành. Từ thời Đinh - Tiền Lê, Lý, Trần, Phật giáo vẫn luôn “đồng hành cùng dân tộc”, thời nào quý ngài cao Tăng cũng vừa chuyên tu giải thoát vừa nhập thế hoằng pháp trên các phương diện văn hóa, chính trị, quân sự, ngoại giao, để “hộ quốc an dân”: Thiền sư Ngô Chân Lưu, Vạn Hạnh, Đa Bảo, Sùng Phạm... Ba dòng phái của Phật giáo dưới triều Lý nổi tiếng là Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường, đều thuộc Đại thừa, gắn liền với Thiền tông, có tiếp nhận cả ba pháp tu Thiền - Tịnh - Mật. “Thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi chấm dứt ở cuối thời Lý đầu thời Trần, tồn tại 6 thế kỷ với 18 thế hệ truyền thừa và trải qua 28 vị thiền sư” (2). Các vấn đề “chân thân” được đặc biệt chú ý - Thiền sư Y Sơn (thế hệ thứ 19) của phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi viết: “Chân thân thành vạn tượng/ Vạn tượng tức chân thân” (3). Thiền sư Vạn Hạnh, thế hệ thứ 12 viết: “Thân như bóng chớp có rồi không/ Cây cối xuân tươi thu héo hon/ Tùy vận thịnh suy không sợ hãi/ Thịnh suy đầu cỏ có phơi sương” (4). Vua Lý Thái Tông tán thán thiền sư Tỳ Ni Đa Lưu Chi: “Mở lối sang nước Nam/ Nghe ông giỏi tập Thiền/ Mở bày niềm tin Phật/ Xa hợp một nguồn tim” (5). Mật giáo thời Lý gắn bó với Bát Nhã và Duy Thức. Thời Đinh và Tiền Lê, Mật giáo xuất hiện ở nước ta.

Đến thời Trần, Phật giáo được coi như quốc giáo, phổ quát... Bằng chứng là sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm-Yên Tử, mang hệ tư tưởng và bản sắc hoàn toàn Việt Nam. Các vua như Trần sử dụng Phật giáo giải quyết trong mọi vấn đề của đất nước. Câu chuyện về Hội nghị Diên Hồng là một trong rất nhiều sự kiện minh chứng, cho thấy tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết dân tộc - cả nước chung sức vua tôi đồng lòng.

1.2 Sơ lược tinh thần Phật giáo Việt Nam “đồng hành cùng dân tộc” trong kháng chiến chống Pháp cũng như truyền thừa đến ngày nay

Chính quyền phong kiến Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX rối ren, đã khiến Pháp xâm lược. Trước những bất công của chính phong kiến cũ, các phong trào đấu tranh của nhân dân đều bị đàn áp thẳng tay. Chính quyền phong kiến tùy phục

nhà Thanh, ban luật Gia Long, đóng cửa với các nước khác... khiến trong nước thương nhân không buôn bán được, nông dân sản xuất ra không có chỗ thu mua bị bế tắc. Chính quyền phong kiến không chấp nhận những đề nghị tốt đẹp của nhà Tây Sơn; thiên tai, dịch bệnh càng thất thủ. Do đó, triều đình nhà Nguyễn và dân chúng ngày càng mâu thuẫn.

Từ thời Gia Long đến đầu thời kỳ Pháp xâm lược gần 500 cuộc khởi nghĩa của nông dân đã nổ ra. Pháp cần thị trường và thuộc địa; Việt Nam khoáng sản phong phú; nằm ở ngã ba của Đông Dương; lao động đông, giá rẻ mạt;... Pháp vì lòng tham kinh tế bành trướng sức mạnh đã âm mưu gây ra chiến tranh xâm lược phi nghĩa. Ngày 1/9/1858, Pháp - Tây Ban Nha nổ súng cửa biển Đà Nẵng, bắt đầu chính thức cho chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Hòa bình lập lại, Nhà Nước lại quan tâm tự do tín ngưỡng, tôn giáo, Phật giáo Việt Nam đã tròn nguyện vọng thống nhất Phật giáo trong một tổ chức chung là Giáo Hội Phật giáo Việt Nam, chư Tăng tham gia Quốc hội, Hội đồng Nhân dân các cấp để thay lời quần chúng phát biểu tiếng nói của dân, hộ trì Đảng và Nhà nước an dân, đặc biệt giới Phật tử; tham gia vào Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể các cấp, tiếp tục xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Tuy nhiên, vẫn có một bộ phận nhỏ Tăng Ni, Phật tử nhận thức chưa đầy đủ nên bị các thế lực thù địch lợi dụng làm rối loạn xã hội, gây chia rẽ cộng đồng. Nhìn chung, trong kháng chiến chống Pháp và cả thời bình, Phật giáo hòa trong đời sống dân tộc; phục vụ dân tộc, phục vụ chúng sinh, yêu chuộng hòa bình, bất hại.

Phật giáo Đại thừa Việt Nam thấm nhuần giáo lý kinh *Hoa Nghiêm* nhấn mạnh lý *Duyên sinh*, *Tam Luận* có liên quan Bát Nhã của Ngài Long Thọ và Đề Bà ở thế kỷ thứ hai. Bộ *Trung Luận*, *Bách Luận*, *Thập Nhị Môn Luận* nhấn mạnh bồ đề trực giác bùng vỡ. Vì vậy, quá trình hành đạo nhập thế của chư Tăng Ni tại Việt Nam rất linh động và siêu xuất, bởi ảnh hưởng của tư tưởng Đại thừa Tính Không, Duyên khởi. Có thể nói, Phật giáo với vai trò tích cực của mình luôn thể hiện là tinh thần chủ đạo của xã hội Việt Nam cả thời kháng chiến chống Pháp, trước đó và hiện nay.

2. Vài nét về cuộc kháng chiến chống Pháp và đặc điểm tinh thần của Phật giáo Việt Nam “đồng hành cùng dân tộc” trong kháng chiến chống Pháp

2.1 Vài nét về cuộc kháng chiến chống Pháp

Năm 1858, Pháp mở đầu chiến tranh xâm lược Việt Nam với địa bàn Đà Nẵng, quân đội phương Tây mạnh về kinh tế, quân sự, vũ khí, công nghệ, nhân dân ta gặp vô vàn khó khăn. Gần 30 năm tiếp, Pháp lần lượt chiếm Nam Kỳ, Bắc Kỳ; Huế (1883), do đó các Hiệp ước Nhâm Tuất (1862), Giáp Tuất (1874), Quý Mùi (1883), Hiệp ước Giáp Thân (1884), đều phải thừa nhận Pháp thống trị toàn bộ lãnh thổ. Triều đình quy hàng nhưng dân tộc Việt Nam chưa bao giờ muốn mất quyền tự do. Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Võ Duy Dương, Nguyễn Hữu Huân... đều dấy lên khởi nghĩa và rất nhiều các nghĩa quân khác chờ thời vùng lên chống giặc ngoại xâm.



(Ảnh: Internet)

Kháng chiến chống Pháp (1945-1954) kéo dài 9 năm - từ ngày 19/12/1946, đến chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954, Pháp phải ký kết Hiệp định Genève công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam. Có thể điểm ra các mốc thời gian và sự kiện quan trọng, như: (1) Kháng chiến toàn quốc (1946-1954): sau khi Pháp chính thức xâm lược, cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu vào ngày 19 tháng 12 năm 1946. (2) Chiến dịch Việt Bắc (1947): Pháp đánh Việt Bắc - cơ quan đầu não kháng chiến, nhưng bị thua. (3) Chiến dịch Biên giới (1950): ta chủ động tấn công Pháp, kiểm soát được các khu vực biên giới, kháng chiến thuận lợi. (4) Chiến dịch Hòa Bình (1951-1952): ta giữ thế chủ động trên mặt trận Hòa Bình, cùng phát triển chiến tranh du kích vùng đồng bằng Bắc Bộ. (5) Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954): rất quyết liệt, ta thắng lợi, buộc Pháp phải ký kết Hiệp định Genève. (6) Hiệp định Genève (1954): Pháp phải ngừng bắn,

công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào và Campuchia.

Cuộc kháng chiến chống Pháp thành công có sự đóng góp đồng hành của Tăng Ni Cư sĩ Phật tử, góp phần: (1) Giải phóng dân tộc: thể hiện quan điểm luôn ủng hộ chính nghĩa; khát khao độc lập, tự do, thống nhất dân tộc. (2) Tạo thuận duyên cho thống nhất đất nước: làm bàn đạp cho giải phóng miền Nam và thống nhất đất nước sau này. (3) Làm thất bại chủ nghĩa thực dân: Chiến thắng Điện Biên Phủ và Hiệp định Genève góp phần suy yếu tiêu diệt chủ nghĩa thực dân, khơi thêm năng lượng tích cực cho phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới. (3) Cho thấy lòng yêu nước của toàn dân: thể hiện ý chí, đoàn kết, hy sinh của mọi người dân Việt Nam.

Trong kháng chiến chống Pháp và hiện tại định hướng của Đảng và Nhà Nước vẫn tôn trọng tự do tôn giáo và hướng đến đoàn kết sức mạnh toàn dân vì mục tiêu hòa bình. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ Bảy (khóa IX), Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo đã thể hiện rất rõ.

2.2 Đặc điểm tinh thần của Phật giáo Việt Nam “đồng hành cùng dân tộc” trong kháng chiến chống Pháp

Đảng trong kháng chiến chống Pháp đặc biệt quan tâm vấn đề tôn giáo, dân tộc; đề cao các tôn giáo có quyền ngang nhau về tự do pháp lý, nhân dân được tự do chọn các tôn giáo mình theo và quyền lợi được thực thi, chính quyền không phân biệt đối xử. Vì vậy đã được lòng dân, tập hợp sức mạnh đưa kháng chiến thắng lợi. Chứng tỏ, đạo pháp luôn gắn liền với dân tộc, nước mạnh thì Phật giáo hưng thịnh và ngược lại.

Phật giáo Việt Nam tham gia kháng chiến chống Pháp với nhiều hình thức phong phú. Khảo sát lịch sử chứng minh, nhiều chùa trước khi Pháp xâm lược là nơi sinh hoạt văn hóa, tâm linh, hoằng Pháp; trong kháng chiến, chùa thành nơi tuyên truyền, vận động yêu nước, chống Pháp, che giấu, nuôi cán bộ, chiến sĩ, thành các cơ sở bí mật an toàn che mắt địch để cách mạng tiếp tục hoạt động. Ngoài ra, Tăng Ni Phật tử còn kêu gọi, đóng góp tiền bạc, lương thực, thuốc men cho kháng chiến qua truyền thống đoàn kết là sức mạnh, tương thân tương ái. Đặc biệt, nhiều Tăng Ni “cởi áo cà sa khoác áo chiến bào”, trực tiếp tham gia chiến đấu chống Pháp, góp phần vào sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Đặc biệt, trong kháng chiến chống Pháp, tại miền Bắc - Nam Định (Ninh Bình), 27 chư Tăng Ni phát nguyện “cởi áo cà sa ra trận” tại chùa Cổ Lễ, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định vào ngày 27/02/1947; 15 chư Tăng ở Thủy Nguyên, Hải

Phòng tình nguyện nhập ngũ. Tại tỉnh Ninh Bình gồm thị xã và huyện Gia Khánh (Hoa Lư, Ninh Bình), 60 chư Ni phát nguyện làm tiếp tế, tuần tra, y tá phục vụ cho bộ đội chiến đấu hoặc hộ lý trong các trạm quân y... Phật giáo Việt Nam chung một lòng ủng hộ kháng chiến chống Pháp, “âm thầm giữ gìn đạo mạch trong cơn binh lửa và ủng hộ Chính phủ kháng chiến Hồ Chí Minh” (6).

Phật giáo “đồng hành cùng dân tộc”, “hộ quốc an dân” trong kháng chiến chống Pháp, tiếp tục thể hiện tinh thần Bồ-tát hạnh, nhập thế, yêu nước chuộng hòa bình, vị tha quên mình, tiếp tục “đồng hành cùng dân tộc”. Nhắc đến tôn giáo tại Việt Nam, đạo Phật luôn giữ thế chủ đạo trong tâm hồn người Việt bao đời nay, mang màu sắc dân tộc, luôn song hành cùng dân tộc. Phật giáo Việt Nam giai đoạn chống Pháp cũng mang những đặc điểm trên, ngoài ra còn gắn liền với phong trào chấn hưng Phật giáo, thu hút các giới ủng hộ nhất là tầng lớp trí thức, góp phần làm cho cách mạng thắng lợi. Vì đạo Phật là đạo trí tuệ, bi - trí - dũng.

3. Quan điểm của Phật giáo cho vấn đề chống chiến tranh hướng đến hòa bình tiến bộ an vui bền vững



(Ảnh: Internet)

3.1 Chiến tranh bắt nguồn từ vô minh (không nhận thức đúng chân lý cuộc đời) và tham ái (dính chấp)

Đức Phật dạy chiến tranh, bắt nguồn từ vô minh: tham sân si; chiến tranh gây đau khổ, chết chóc, tăng lòng hận thù, thiệt hại, không phải là chính sách và hành động bền vững. Đức Phật khuyến khích các giải pháp hòa bình thông qua việc thắp sáng trí tuệ, từ bi bằng chánh kiến; trừ diệt tham ái và sân hận. Đức Phật cho rằng, nguồn gốc của chiến tranh do các tâm bất thiện tham lam, sân hận, ngu si, do nhận thức tiêu cực, dẫn đến hành động bạo lực và chiến tranh. Hậu quả của chiến tranh chính là sự mất mát sinh mạng, cảm xúc lo lắng bất an triền miên, tàn phá môi trường và suy giảm đạo đức, gây kết oán thù, mất niềm tin. Đức Phật chỉ ra giải pháp cho chiến tranh là tu dưỡng tâm, thiền định, loại bỏ tham ái và sân hận, nuôi dưỡng lòng từ bi và trí tuệ. Vì vậy, vai trò của mỗi cá nhân phải có trách nhiệm đóng góp vào hòa bình thế giới bằng lối sống thiện lành đạo đức, bất hại, thực hành Ngũ giới, nhất là giới thứ nhất (không giết, không bảo giết, không xúi giết, không vui theo sự giết chóc; tôn trọng sinh mệnh sự sống). Đức Phật khuyến khích đời sống thiện lành qua thân miệng ý, không khuyến khích tham gia chiến tranh bằng mọi hình thức, chủ yếu là phân tích, hòa giải, bất bạo động; mà trước đó con người cần tu dưỡng ba nghiệp để tránh nhân quả rơi vào hoàn cảnh chiến tranh, hoặc chiến tranh bị cộng nghiệp sát. Vì chiến tranh là kết quả của nghiệp báo do con người đã tạo với nhau trong nhiều đời nhiều kiếp, kết quả của nghiệp giết mổ.

Con người thời nào cũng có những mâu thuẫn, từ gia đình đến xã hội, đến các quốc gia; những mâu thuẫn nhỏ dẫn đến những xung đột lớn, tất cả bắt nguồn từ chấp ngã chấp pháp, gây khổ đau cho mình và người cùng vạn vật. Kể từ khi con người xuất hiện, những người yêu chuộng cái đẹp thiện lành luôn thao thức sống hạnh phúc, bình an, hòa hợp nhưng lại khó đạt được. Tất cả bắt nguồn từ thiếu chánh kiến, vô minh, tham ái. Lịch sử thế giới từ khi loài người xuất hiện chứng minh, chiến tranh luôn tồn tại và ẩn tàng đâu đó, chưa bao giờ con người được sống trong hòa bình miên trường, vì nghiệp sát vẫn tồn tại.

Phật giáo Việt Nam luôn đồng hành cùng dân tộc vì một tương lai bền vững; sống “tốt đời, đẹp đạo”, lý tưởng Bồ-tát hạnh nhập thế phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; tham gia các cấp học Phật Pháp và thế học bài bản, chất lượng, quy chuẩn trong thiền môn, vì vậy số lượng không ngừng tăng, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, khiến Phật giáo hưng thịnh cùng đất nước và quốc tế. Giáo dục của Giáo hội, nâng cao nội điển và ngoại điển; Tăng Ni tích cực tham gia phối hợp với các đoàn thể; trùng tu, tôn tạo các tự viện, in ấn, phát hành các kinh sách, báo chí đúng chính pháp.

3.2 Phật giáo giải quyết vấn nạn chiến tranh thông qua thực hành Ngũ giới, Thập thiện, Bát chánh đạo & Thiền

Nhiều tôn giáo chủ trương con người tham dự thánh chiến sẽ được lên cõi trời hưởng phúc; nhiều quốc gia cường thịnh phát động chiến tranh xâm chiếm lãnh thổ, coi thường các nước nhỏ, Đức Phật đều cho là tà kiến, Ngài luôn khuyên con người gìn giữ nuôi dưỡng tâm từ bi. Theo kinh Phật, lúc đầu, vua Pasenadi (vua Ba-tư-nặc) thua trận, nhưng trong trận cuối vua chiến thắng, bắt sống vua Ajātasattu (vua A-xà-thế), nhưng vua Ba-tư-nặc lại từ bi tha mạng cho vua A-xà-thế, đức Phật đã tán thán. Con người thường có tâm thù hận, lo âu, sợ hãi. Đức Phật như vị bác sĩ ấy cho hòa bình và an lạc hạnh phúc. Quan điểm của Đảng đối với tôn giáo thể hiện chính sách nhân văn, dân chủ; phục vụ kháng chiến.

Vấn đề cần giải quyết chiến tranh là nhà cầm quyền cần dẹp đi lòng tham, oán ghét, thù hận, cực đoan; cần sự đồng lòng và hợp tác của tất cả nhân loại trên hành tinh này; mà các triết lý Phật giáo trên 2600 năm đã chỉ ra rất rõ, nếu con người thực thi Ngũ giới, Thập thiện, Bát quan trai, 37 phẩm trợ đạo, Bát chánh đạo... chắc chắn sẽ đẩy lùi và dừng lại chiến tranh phi nghĩa, bảo toàn và phát triển sự sống giữa các quốc gia, các loài theo quy luật tự nhiên.

Theo nhân sinh quan, vũ trụ quan, thế giới quan Phật giáo, con người chỉ là một phần của thế giới trùng trùng duyên khởi, không ai là chủ nhân, không ai/ không tổ chức nào có quyền sở hữu, vì đạo Phật nhấn mạnh Tính Không Duyên Khởi, không có ngã và ngã sở, chỉ có Nhân và Quả; luân hồi là khổ đau, chỉ khi nào chúng đắc Thánh quả A la hán mới ra khỏi vòng sinh tử, sự hiện hữu của con người trong kiếp sống này chỉ là một trong muôn triệu mắt xích của vòng luân hồi bất tận vô thủy vô chung. Đạo Phật nhấn mạnh tinh thần khoan dung bất bạo động, luôn luôn ủng hộ hòa bình, tôn trọng sự sống vạn vật. Nếu con người ai cũng thực hiện Ngũ giới, Bát quan trai, Thập thiện, thực hiện Tứ vô lượng tâm, Tứ nhiếp Pháp, 10 parami (6 Ba la mật) chắc chắn đẩy lùi chiến tranh.



(Ảnh: Internet)

Phật giáo đưa ra vấn đề quyết chiến tranh dựa vào Kinh điển được lưu truyền. Những lời dạy của Ngài trên 26 thế kỷ vẫn đúng trong mọi thời đại vì sự sống. Trong *kinh Đại bát Niết bàn* cho một quốc gia hùng cường: “Khi nào họ vẫn còn hòa thuận, và gặp gỡ thường xuyên, họ không thể bị tấn công...” (7). Lời khuyên cho các vua thời bấy giờ đã tránh giết hại dân lành, xuất phát từ thiện chí, xóa bỏ hận thù.

Trong kinh Tương Ưng, vua Ajàtasattu nước Magadha mâu thuẫn với vua Pasenadi nước Kosala, đức Phật dạy: “Thắng trận sinh thù oán/ Bại trận nếm khổ đau/ Ai bỏ thắng, bỏ bại/ Tịch tịnh, hưởng an lạc”⁷. Trong Kinh Trung Bộ, đức Phật đề cập nguyên nhân chiến tranh: “do dục làm nhân, do dục làm duyên (...) vua tranh đoạt với vua, Sát-đế-lị tranh đoạt với Sát-đế-lị, Bà-la-môn tranh đoạt với Bà-la-môn, gia chủ tranh đoạt với gia chủ, mẹ tranh đoạt với con (...) họ công phá nhau bằng kiếm. Ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong” (8); nguyên nhân tranh chấp là tham vọng: tham danh, sắc, tiền bạc, quyền lực...

Phật giáo giải quyết chiến tranh trên tinh thần Bát Chính Đạo và thực hành Thiền Phật giáo. Thiền Phật giáo nhấn mạnh sự an lạc nội tâm biết đủ để phát triển tình thương và lòng từ bi. Thiền Vipassana/ thiền tuệ quán, không tông phái - một phương pháp tự quan sát khi tiêu cực nảy sinh trong tâm như thù hận, cảm giác khó chịu phải lập tức buông xuống; ngăn cấm những ô nhiễm trong tâm, khuyến khích sự bảo vệ môi trường.

Kết luận

Theo quan điểm Phật giáo, để dừng lại chiến tranh, lãnh đạo các quốc gia nên chân thành hội họp cùng nhau đưa ra các giải pháp xây dựng thế giới hòa bình không chiến tranh. Theo đó, các cuộc tập trận, sản xuất và vũ khí, công kích, cung cấp phương tiện chiến tranh... cần nên dừng lại; thế giới hòa bình vì sự sống không cần sản xuất và tàng trữ vũ khí phòng bị; phải có trách nhiệm và kiên quyết thực thi chung tay vì hòa bình không xâm chiếm đối kháng, tôn trọng quyền con người và quyền lãnh thổ, hợp tác cùng phát triển; phải nhận thức được sự sống sinh mệnh là quan trọng, đặc biệt là con người. Nếu chiến tranh xảy ra, an ninh lương thực, vũ khí sinh học, vũ khí hạt nhân, các đầu đạn tên lửa... có sức công phá bất khả tư nghì thời hiện đại chắc chắn sẽ gây tàn sát hàng loạt con người và môi trường tự nhiên. Bằng chứng hiện nay, các vấn đề *Ukraina, Iran, Israel, khu vực ở Gaza, khu tự trị Cam-pu-chia... gần đây đang là những vấn đề nhức nhối của nhân loại yêu chuộng hòa bình.*

Mục đích của việc tu tập là giải thoát sanh tử luân hồi, đối với Tăng Ni là “thượng cầu hạ hóa”, Phật giáo Đại thừa Việt Nam hành Bồ tát hạnh tự độ độ tha, ban vui cứu khổ, bằng mọi phương tiện hóa duyên. Trong triết học Phật giáo, y phương minh luôn được khuyến khích. Tăng Ni vì vậy trong kháng chiến chống Pháp đã tham gia các hoạt động cứu thương, chăm sóc thương binh, bệnh binh; trở thành một bộ phận trong cuộc kháng chiến, đóng góp vào khối đại đoàn kết dân tộc.

Giai đoạn 1945-1954, Phật giáo Việt Nam tham gia kháng chiến: dạy chữ, ủng hộ Việt Minh, cơ quan lãnh đạo Phật giáo chuyên tu thành nơi cứu quốc, khi đất nước cần dẹp bỏ chiến tranh phi nghĩa; nhường gạo cúng chùa gửi cho bộ đội; chùa còn nuôi giấu cách mạng. Hiện nay, trong và ngoài nước vẫn còn có một số vị giữ thái độ cực đoan, không hợp tác với chính quyền và Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Tuy nhiên, cùng là người con Phật, cùng dòng máu Việt, các cao Tăng trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam và chính quyền Trung ương luôn khoan dung để cảm hoá, mong xích lại gần khối đoàn kết dân tộc trên phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”.

Tác giả: **Ths Đinh Thị Thu Hà**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Chú thích:

1) *Thư ký trưởng Hiệp hội xúc tiến toàn cầu Asean Việt Thăng, Trung Tâm Phật học ứng dụng.*

2) *Lê Mạnh Thát (tái bản 2021), Nghiên cứu về Thiền uyển tập anh, Nxb. Hồng Đức, tr. 243-278.*

3) *Lê Mạnh Thát (tái bản 2021), Nghiên cứu về Thiền uyển tập anh, Nxb. Hồng Đức, tr. 279.*

4) *Lê Mạnh Thát (tái bản 2021), Nghiên cứu về Thiền uyển tập anh, Nxb. Hồng Đức, tr. 253.*

5) *Lê Mạnh Thát (tái bản 2021), Nghiên cứu về Thiền uyển tập anh, Nxb. Hồng Đức, tr. 242.*

6) *Lê Tâm Đắc: Phong trào chấn hưng Phật giáo ở miền Bắc Việt Nam (1924-1954), Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2012, tr. 280.*

7) *Thích Minh Châu (dịch) (2018), Kinh Trường bộ, Kinh Đại bát Niết bàn, Nxb. Tôn giáo, tr. 278-280.*

8) *Thích Minh Châu (dịch) (2018), Kinh Trung bộ, Đại kinh Khổ uẩn, Nxb. Tôn giáo, tr. 121-122.*

Tài liệu tham khảo:

1] *Thích Minh Châu (dịch) (2018), Kinh Trường bộ, Kinh Đại bát Niết bàn, Nxb. Tôn giáo.*

2] *Thích Minh Châu (dịch) (2018), Kinh Tương Ưng, Tập 1, Chương 3: Tương Ưng Kosala, Hai lời nói về chiến tranh, Nxb. Tôn giáo.*

3] *Thích Minh Châu (dịch) (2018), Kinh Trung bộ, Đại kinh Khổ uẩn, Nxb. Tôn giáo.*

4] *Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t. 2.*

5] *Lê Tâm Đắc (2012), Phong trào chấn hưng Phật giáo ở miền Bắc Việt Nam (1924- 1954), Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.*

6] *Nguyễn Đại Đồng (2014), “Tính chất và đặc điểm của Phật giáo Việt Nam trong kháng chiến chống thực dân Pháp”, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, Hà Nội.*

7] Hiến pháp Việt Nam (năm 1946, 1959, 1980 và 1992), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.

8] PGS.TS. Đỗ Lan Hiền (Chủ biên) (2018), Cẩm nang về tín ngưỡng, tôn giáo, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

9] Trương Sỹ Hùng (2017), Bốn tôn giáo lớn ở Đông Nam Á, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

10] Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t. 4.

11] Hà Thúc Minh (1986), “Lịch sử tư tưởng Việt Nam và vấn đề Phật giáo”, trong Mấy vấn đề Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam, Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Triết học, Hà Nội.

12] Lê Mạnh Thát (tái bản 2021), Nghiên cứu về Thiền uyển tập anh, Nxb. Hồng Đức.

13] Đóng góp của Phật giáo trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) - TS. Nguyễn Thị Như, Đại học Hà Nội, <https://nxbctqg.org.vn/dong-gop-cua-phat-giao-trong-khang-chien-chong-thuc-dan-phap-1945-1954-.html>